

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 5/9/2023 - 8/9/2023

## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

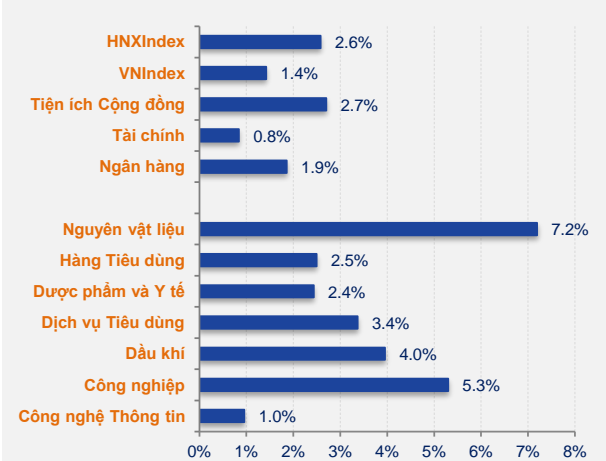
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thống kê thị trường</b>				
Index	1,241.48 ↑	1.4%	256.20 ↑	2.6%
KLGD (trCP)	5,123.67 ↑	20.0%	673.71 ↑	20.8%
GTGD (tỷ VND)	121,956.91 ↑	20.4%	13,162.66 ↑	25.0%
Tổng cung (trCP)	11,416.06 ↑	11.3%	890.79 ↑	11.4%
Tổng cầu (trCP)	11,309.42 ↑	10.3%	782.67 ↑	3.2%
<b>Giao dịch NĐT nước ngoài</b>				
KL mua (trCP)	248.87 ↑	37.0%	8.87 ↑	15.6%
KL bán (trCP)	266.06 ↑	29.7%	5.65 ↓	-12.1%
GT mua (tỷ VND)	8,286.97 ↑	22.5%	259.41 ↑	35.8%
GT bán (tỷ VND)	9,137.09 ↑	32.2%	150.79 ↑	5.7%

VN-INDEX khởi đầu tuần mới tháng 09/2023 với tâm lý tích cực, qua đó 02 phiên đầu tuần tăng giá tốt lên lại vùng đỉnh giá cao nhất tháng 08/2023 quanh 1.246 điểm và chịu áp lực điều chỉnh nhẹ trở lại. Kết thúc tuần VN-INDEX vẫn tăng 1,42% so với tuần trước, duy trì 03 tuần liên tiếp tăng điểm từ vùng giá 1.150 điểm lên 1.241,48 điểm với thanh khoản cải thiện mạnh, trung bình hơn 01 tỷ USD trên HOSE. HNX-INDEX tích cực hơn vượt lên vùng đỉnh giá tháng 08/2023, kết thúc tuần ở mức 256,20 điểm, tăng 2,58% so với tuần trước và hướng đến vùng giá thấp tháng 06/2023 quanh 263 điểm.

Trong tuần thị trường giao dịch sôi động khi dòng tiền vẫn duy trì ở mức cao. Thanh khoản trên HOSE đạt 121.945,54 tỉ đồng tăng 20,4% so với tuần trước, khối lượng giao dịch tăng 20,0%. Khối lượng giao dịch trung bình hơn 01 tỷ cổ phiếu/01 phiên ở HOSE. Thanh khoản HNX tăng 5,4% với 11.100,44 tỉ đồng được giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, bán ròng mạnh tuần thứ 2 liên tiếp với giá trị 850,13 tỉ đồng, mua ròng trên HNX với giá trị 108,62 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 8 đã tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm sau 6 tháng; Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức họp về các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam và hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm tổ chức vào ngày 07/09/2023; Bộ Tài chính không đồng ý với đề xuất hỗ trợ 1.000 USD cho người Việt khi mua ô tô điện do ngân sách còn gặp nhiều khó khăn; Sổ tài khoản chứng khoán mở mới liên tục ở mức cao, khi chỉ trong tháng 8 vừa qua đã có thêm hơn 150.000 tài khoản đầu tư mới tham gia thị trường.

### Biến động giá Ngành theo Tuần

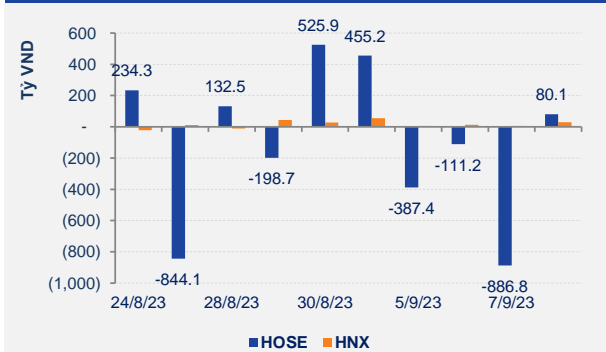


VIC (-4,83%) là cổ phiếu vốn hóa lớn có ảnh hưởng kém tích cực lên thị trường và trong VN30 cùng với VRE (-2,31%), VHM (-1,28%), TPB (-1,02%)... Đa số còn lại có diễn biến tích cực đại diện cho các ngành nghề như thép HPG (+4,17%), bất động sản khu công nghiệp, cao su với GVR (+3,89%), BCM (+0,55%), dầu khí với GAS (+3,65%), PLX (+2,20%).. bán lẻ với đại diện MWG (+3,16%), bảo hiểm với BVH (+1,00%)...

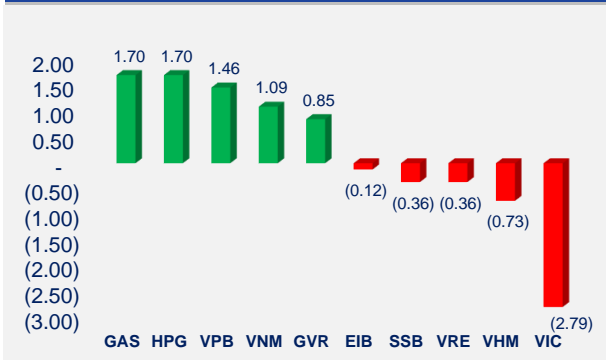
Các cổ phiếu nhóm ngân hàng cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh như OCB (+8,67%), ABB (+8,05%), MSB (+5,36%), NAB (+5,26%), VPB (+3,24%)... Trong khi đó nhóm cổ phiếu nổi bật nhất trong thị trường tuần qua là nhóm hàng hóa cơ bản, phân bón DDV (+18,87%), LAS (+11,63%), DPM (+9,47%), DCM (+9,19%) trước thông tin Trung Quốc hạn chế xuất khẩu, nhóm hóa chất CSV (+6,09%), DGC (+5,60%), cảng biển, vận tải biển với HAH (+ 9,80%), DXP (+8,46%), VOS (+7,53%), VSC (+6,17%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 kết thúc tuần ở mức 1.249,9 điểm, chênh lệch dương 0,76 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch và khối lượng mở OI giảm cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm khi thị trường cơ sở duy trì nhiều cơ hội tốt. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ 0,36 điểm đến -9,14 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn lại thu hẹp mạnh. Cho thấy các trader đang khá lạc quan về ngắn hạn của VN30. Gia tăng các vị thế ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro các kỳ hạn lớn trên thị trường phái sinh.

### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 5/9/2023 - 8/9/2023

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường hồi phục tuần thứ 3 liên tiếp sau điều chỉnh đưa Vn-Index tiệm cận ngưỡng kháng cự 1.250 điểm và thị trường bắt đầu xuất hiện các phiên rung lắc điều chỉnh nhẹ, diễn biến gần như sát với dự báo mà chúng tôi đã đưa ra trong các bản tin ngày, tuần trước đây. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.241,48 điểm (tăng +17,43 điểm, +1,42%). Thị trường đã vượt qua nhịp điều chỉnh quan trọng và đang hồi phục trở lại mạnh mẽ, nhịp điều chỉnh giúp VnIndex rũ bỏ đeo bám và tích lũy lại củng cố xu hướng uptrend trung hạn. Hiện VnIndex đang đối diện ngưỡng cản ngắn hạn 1.250 điểm và sẽ cần thêm thời gian để hình thành vùng tích lũy mới, chuẩn bị cho khả năng hướng tới mốc cao hơn tại ngưỡng cản mạnh trung hạn 1.300 điểm.

Về tình hình vĩ mô, nhìn chung kinh tế Vĩ mô vẫn đang trong giai đoạn chưa có nhiều chuyển biến tích cực nhưng không xấu đi, tình hình địa chính trị thế giới vẫn tồn tại nhiều bất ổn, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp dẫn tới đơn hàng xuất khẩu sụt giảm, mặt khác tình hình lạm phát toàn cầu vẫn chưa thực sự được kiểm soát do xu hướng giá năng lượng và thực phẩm tiếp tục tăng, kinh tế khu vực EU dễ bước vào suy thoái... điểm tích cực là lãi suất của Việt nam đang có xu hướng giảm đồng thời các tổ chức kinh tế như Worldbank, IMF... đang điều chỉnh tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu dù vẫn ở mức thấp. Chính phủ cũng đang tích cực đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp và BĐS. Nhìn chung, thường thị trường chứng khoán sẽ có những phản ứng sớm nên chúng tôi kỳ vọng việc thị trường chuyển trạng thái sang vận động tích cực trong thời gian qua là hợp lý khi thị trường đang cho thấy tâm lý lạc quan khi khó khăn của vĩ mô có thể sẽ dần qua. Tuần giao dịch tới sẽ là thời hạn để 2 quỹ FTSE Vietnam ETF và VNM ETF thực hiện tái cơ cấu danh mục quý 3.

Thị trường trong ngắn hạn đang tiệm cận ngưỡng cản ngắn hạn và VnIndex đang có tín hiệu rung lắc điều chỉnh nhẹ, động thái điều chỉnh và tạo nền có thể còn kéo dài và cần thiết để thị trường tích lũy nội lực cho nhịp tăng tiếp theo, các nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng ở giai đoạn hiện tại và có thể giải ngân chỉ khi VnIndex có tín hiệu vượt 1.250 điểm với động lực mạnh. Trong trung, dài hạn thị trường đã hình thành uptrend và mục tiêu VnIndex hướng tới sẽ là khu vực 1.300 điểm. Trong các bản tin ngày và tuần chúng tôi đều khuyến nghị các nhà đầu tư trung và dài hạn giải ngân trong giai đoạn vừa qua từ chân sóng, do đó nếu tuân thủ chiến lược giải ngân nhà đầu tư hoàn toàn đã cơ cấu được danh mục hợp lý, trong trường hợp cần giải ngân thêm có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để tăng tỷ trọng, hướng giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy hiện nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## WEEKLY WRAP

Tuần GD:

5/9/2023

-

8/9/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
IDC	49.80	43-45	55-57	41	7.5	-31.5%	-42.1%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.20	11.5-13	15.5-16	12	4.6	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
DTD	30.90	25-27	33-34	22	5.6	464.9%	1626.6%	Theo dõi giải ngân
PHR	50.00	46-48	57-59	43	7.6	-17.4%	136.5%	Theo dõi giải ngân
BSR	20.99	19.5-21	25.5-26	18	4.7	-2.1%	-29.9%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/05/2023	DPR	72.10	54.8	74-76	69	31.6%	Nắm giữ
06/06/2023	KBC	35.40	28.05	34-35	34	26.2%	Nắm giữ
07/28/2023	BIC	28.85	29.1	32-33	28	-0.9%	Nắm giữ
08/02/2023	VNM	80.00	72.95	87-89	78	9.7%	Nắm giữ
08/02/2023	CTG	32.30	30.6	35-37	31	5.6%	Nắm giữ
08/24/2023	DTD	30.90	26.8	33-34	29	15.3%	Nắm giữ
08/08/2023	VIC	59.10	63.1	79-82	59	-6.3%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Lãi suất đầu tháng 9 tiếp đà giảm**

Dù đã có nhiều đợt giảm lãi tiền gửi tiết kiệm trong tháng 8, đầu tháng 9 lãi suất huy động tại các ngân hàng tiếp tục điều chỉnh giảm. Tính đến ngày 08/09/2023, lãi suất tiền gửi tiết kiệm 1-3 tháng được các ngân hàng đưa về mức 3.3-4.75%/năm, kỳ hạn 6-9 tháng trong khoảng 4.6-6.65%/năm, kỳ hạn 12 tháng trong khoảng 5-6.75%/năm. Ở kỳ hạn 6 tháng, NCB giữ mức lãi suất cao nhất ở 6.65%/năm. Vietbank đứng thứ 2 với 6.5%/năm, DongABank xếp thứ 3 ở mức 6.35%/năm.

**Giá gạo xuất khẩu giảm mạnh**

Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam giảm 15 USD trong hai ngày qua do doanh nghiệp Philippines hủy và giãn tiến độ nhập sau lệnh áp trần giá gạo của giới chức nước này. Dữ liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho thấy từ ngày 6-7/9, giá gạo xuất khẩu liên tục giảm mạnh. Theo đó, gạo 5% tấm của Việt Nam hiện giảm 15 USD một tấn so với phiên 5/9 về 628 USD; gạo 25% tấm cũng giảm 15 USD về mức 613 USD một tấn. Đây là 2 phiên giảm liên tiếp mạnh nhất kể từ sau khi Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo.

**Thu ngân sách tháng 8 giảm mạnh**

Chiều ngày 7/9, Bộ Tài chính tổ chức Hội nghị giao ban trực tuyến đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác tháng 8 và kế hoạch triển khai chương trình công tác tháng 9/2023. Thu nội địa tháng 8/2023 giảm mạnh so với mức thu bình quân 7 tháng đầu năm, kéo tổng thu ngân sách nhà nước trong tháng lao dốc hơn 40% so với mức thu bình quân 7 tháng đầu năm. Dù vậy, về cơ bản, tiến độ thu vẫn bám sát dự toán...

**Trung Quốc yêu cầu tạm dừng xuất khẩu phân ure**

Trung Quốc yêu cầu một số công ty sản xuất phân bón tạm dừng xuất khẩu ure sau khi giá trong nước tăng vọt. Động thái này của Trung Quốc có thể hạn chế nguồn cung và tăng chi phí cho nước nhập khẩu. Trung Quốc là nước sản xuất và tiêu thụ ure hàng đầu thế giới. Bất kỳ sự sụt giảm đáng kể nào trong xuất khẩu đều có nguy cơ thắt chặt nguồn cung và đẩy giá phân bón toàn cầu tăng cao. Các thị trường xuất khẩu phân bón lớn nhất của quốc gia này là Ấn Độ, Hàn Quốc, Myanmar và Australia.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**PV Power (POW) ước tính doanh thu tháng 8 đạt 1.796 tỷ đồng, giảm 22%**

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power, mã POW - sàn HOSE) mới thông báo về tình hình sản xuất kinh doanh tháng 8/2023 và kế hoạch tháng 9/2023. Theo đó, tổng sản lượng điện các nhà máy của POW ước đạt 612 triệu kWh, giảm 52% so với tháng 7 và đạt 58% kế hoạch tháng (1.054 triệu kWh). Doanh thu ước tính đạt 1.796 tỷ đồng, giảm 22% so với tháng 7 đạt 95% kế hoạch tháng (1.895 tỷ đồng). Luỹ kế từ năm 2023, PV Power ước sản lượng đạt 10.220 triệu kWh. Theo đó, doanh thu ước tính đạt 19.920 tỷ đồng, tăng hơn 7% so với cùng kỳ và thực hiện gần 66% kế hoạch năm (30,332 tỷ đồng).

**Thép xây dựng Hòa Phát (HPG) đạt 306.000 tấn trong tháng 8, cao nhất từ đầu năm**

Tháng 8/2023, Tập đoàn Hòa Phát (mã HPG - sàn HOSE) sản xuất 686.000 tấn thép thô, tăng 8% so với tháng trước và 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng bán hàng thép xây dựng, phiê thép, thép cuộn cán nóng (HRC) đạt 558.000 tấn, tương đương tháng 7. Trong đó, thép xây dựng Hòa Phát ghi nhận 306.000 tấn, cao nhất từ đầu năm và tăng 18% so với tháng trước. Trong tháng vừa qua, Hoà Phát cho biết thép xây dựng đạt cao một phần nhờ sản lượng xuất khẩu với 98.000 tấn, gấp 3,5 lần tháng 7/2023 và cao nhất trong vòng một năm trở lại đây.

**GMD sắp chi gần 612 tỷ đồng trả cổ tức 2022**

Gemadept (HOSE: GMD) thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, tỷ lệ 20% (tương đương 1 cổ phiếu được nhận 2,000 đồng). Với gần 306 triệu cp đang lưu hành, ước tính GMD cần chi ra gần 612 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Ngày đăng ký cuối cùng là 22/09, thời gian trả dự kiến ngày 29/09. ĐHCĐ thường niên năm 2023 của GMD đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 với cổ tức bằng tiền tỷ lệ 20%. Như vậy, GMD quyết định chỉ trả cổ tức 2022 chỉ bằng một lần duy nhất.

**Tập đoàn Thiên Long “bốc hơi” 84% lãi trong tháng 7, còn vốn vụn 9 tỷ đồng**

Do thay đổi cơ cấu bán hàng, biên lãi gộp 7 tháng của TLG được duy trì ở mức 44%. Trong khi đó, biên lãi thuần giảm mức 16% cùng kỳ xuống còn 13%. CTCP Tập đoàn Thiên Long (TLG) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 7. Do tình hình khó khăn, nhu cầu xuất khẩu giảm mạnh, TLG theo đó giảm mạnh cả về doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể, Công ty ghi nhận doanh thu thuần tháng 7 đạt 230 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế “bốc hơi” đến 84% còn 9 tỷ đồng. Đây là tháng có lãi sau thuế gần như thấp nhất của Công ty kể từ đầu năm.



## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VPB	39,821,200	FUEVFNVD	(17,246,237)
2	VIX	6,561,166	HPG	(15,528,057)
3	TPB	6,383,025	SSI	(13,869,221)
4	HDB	4,495,581	VIC	(6,834,071)
5	VNM	3,757,294	POW	(5,251,576)

## HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	1,907,372	THD	(656,202)
2	PVS	1,459,042	NVB	(499,600)
3	TIG	685,500	DTD	(440,400)
4	IDC	547,650	MBS	(196,890)
5	SHS	361,968	HCC	(196,300)

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	20.05	22.00	↑ 9.73%	236,154,642
HPG	27.20	28.75	↑ 5.70%	173,472,372
VIX	19.45	19.80	↑ 1.80%	164,870,979
GEX	23.40	25.70	↑ 9.83%	158,269,708
SHB	12.25	12.70	↑ 3.67%	149,678,364

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.50	18.80	↑ 1.62%	85,698,530
CEO	25.30	27.10	↑ 7.11%	61,843,239
PVS	34.90	37.10	↑ 6.30%	36,771,027
HUT	26.30	28.10	↑ 6.84%	35,405,227
IDJ	7.30	8.10	↑ 10.96%	21,106,431

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTL	4.21	5.51	1.3	↑ 30.88%
FTS	35.45	43.95	8.5	↑ 23.98%
QCG	11.70	14.10	2.4	↑ 20.51%
PSH	11.35	13.60	2.3	↑ 19.82%
PC1	25.80	30.55	4.8	↑ 18.41%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMS	12.50	19.90	7.4	↑ 59.20%
TSB	32.40	51.50	19.1	↑ 58.95%
QST	10.60	16.70	6.1	↑ 57.55%
PSI	9.10	11.40	2.3	↑ 25.27%
ATS	8.50	10.50	2.0	↑ 23.53%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

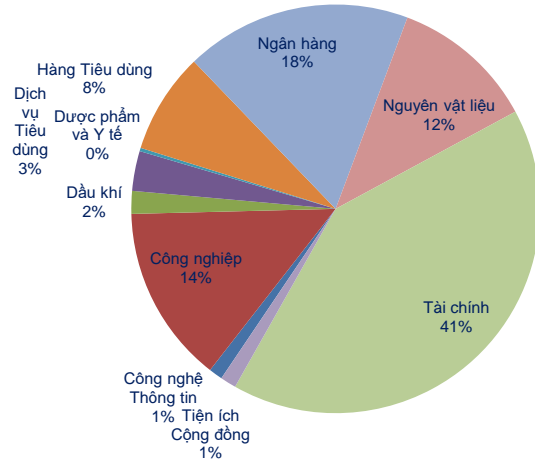
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	10.55	9.57	-1.0	↓ -9.29%
SPM	15.00	13.65	-1.4	↓ -9.00%
FIR	27.60	25.80	-1.8	↓ -6.52%
AGM	9.60	9.00	-0.6	↓ -6.25%
SZL	56.50	53.10	-3.4	↓ -6.02%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PPE	13.10	11.50	-1.6	↓ -12.21%
SGC	74.40	67.00	-7.4	↓ -9.95%
ONE	6.10	5.50	-0.6	↓ -9.84%
TFC	7.20	6.50	-0.7	↓ -9.72%
L40	21.00	19.00	-2.0	↓ -9.52%

(\*) Giá điều chỉnh



## Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



## Chuỗi PE ngành và thị trường



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	236,154,642	-1.3%	-295	-	1.0
HPG	173,472,372	-2.0%	-328	-	1.7
VIX	164,870,979	7.0%	839	23.7	1.6
GEX	158,269,708	1.6%	385	63.9	1.0
SHB	149,678,364	17.7%	2,183	5.8	1.0

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	85,698,530	4.3%	507	37.3	1.6
CEO	61,843,239	7.7%	977	27.9	2.2
PVS	36,771,027	7.2%	1,953	19.2	1.4
HUT	35,405,227	1.3%	145	192.9	2.5
IDJ	21,106,431	5.8%	656	12.5	0.7

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTL	↑ 30.9%	-22.1%	-1,116	-	1.1
FTS	↑ 24.0%	7.5%	1,172	37.3	2.7
QCG	↑ 20.5%	-0.4%	-63	-	1.0
PSH	↑ 19.8%	19.1%	2,501	5.5	1.0
PC1	↑ 18.4%	3.7%	944	30.7	1.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMS	↑ 59.2%	1.1%	129	140.3	1.7
TSB	↑ 59.0%	4.7%	550	86.0	4.1
QST	↑ 57.5%	22.2%	2,995	5.1	1.1
PSI	↑ 25.3%	5.2%	582	18.6	1.0
ATS	↑ 23.5%	0.8%	95	105.9	0.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	39,821,200	11.1%	1,728	12.6	1.4
VIX	6,561,166	7.0%	839	23.7	1.6
TPB	6,383,025	18.6%	2,686	7.3	1.4
HDB	4,495,581	20.3%	2,765	6.3	1.2
VNM	3,757,294	23.9%	3,937	20.2	4.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	1,907,372	7.7%	977	27.9	2.2
PVS	1,459,042	7.2%	1,953	19.2	1.4
TIG	685,500	7.6%	1,091	11.1	0.8
IDC	547,650	20.7%	3,969	12.3	2.6
SHS	361,968	4.3%	507	37.3	1.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	23.0%	5,797	15.4	3.3
VHM	239,926	29.1%	10,341	5.3	1.4
BID	239,521	19.0%	4,025	11.8	2.1
VIC	231,887	3.9%	1,395	43.6	1.7
GAS	196,945	20.3%	6,680	15.4	2.9

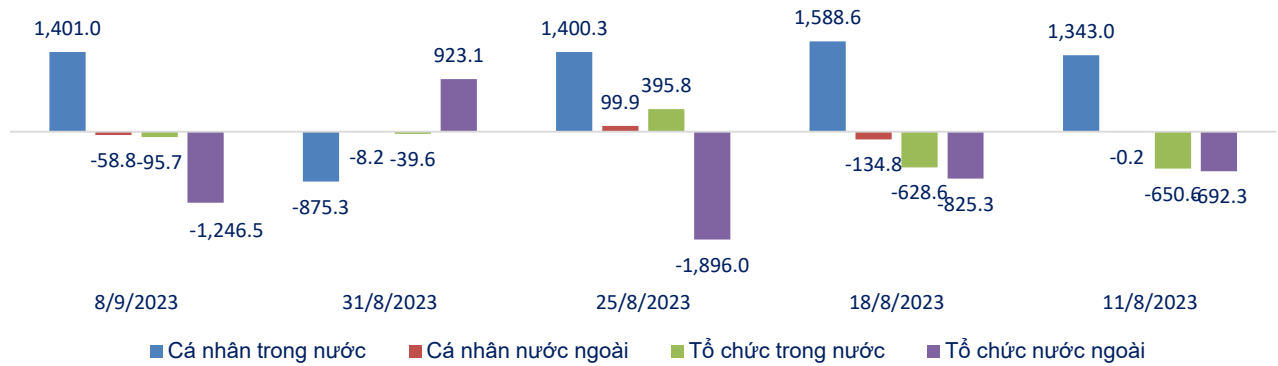
## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,924	7.2%	1,953	19.2	1.4
IDC	16,137	20.7%	3,969	12.3	2.6
SHS	15,369	4.3%	507	37.3	1.6
THD	13,976	2.9%	458	79.2	2.3
CEO	13,910	7.7%	977	27.9	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	540.53	29.1%	10,341	5.3	1.4
HPG	400.97	-2.0%	(328)	-	1.7
SSI	292.69	7.3%	1,093	30.8	2.3
VIC	284.14	3.9%	1,395	43.6	1.7
HDG	193.44	12.4%	2,739	11.4	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-809.15	11.1%	1,728	12.6	1.4
VNM	-324.28	23.9%	3,937	20.2	4.5
VJC	-249.67	-14.1%	(4,026)	-	3.7
MWG	-69.17	6.6%	1,069	51.5	3.5
HDB	-68.89	20.3%	2,765	6.3	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	16.26	36.6%	10,780	8.3	2.9
GMD	12.95	26.9%	7,583	8.4	2.0
HDB	4.83	20.3%	2,765	6.3	1.2
VHM	4.51	29.1%	10,341	5.3	1.4
BID	4.50	19.0%	4,025	11.8	2.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-13.83	-2.0%	(328)	-	1.7
VND	-12.57	3.9%	467	51.0	1.9
VNM	-11.45	23.9%	3,937	20.2	4.5
VIX	-10.52	7.0%	839	23.7	1.6
FUEVFVND	-8.33	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	429.01	N/A	N/A	N/A	N/A
VJC	222.28	-14.1%	(4,026)	-	3.7
HPG	98.80	-2.0%	(328)	-	1.7
STB	94.30	17.2%	3,601	9.2	1.5
EIB	78.80	12.2%	1,726	14.8	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-575.03	29.1%	10,341	5.3	1.4
TPB	-217.72	18.6%	2,686	7.3	1.4
HDG	-64.41	12.4%	2,739	11.4	1.4
PNJ	-53.94	20.5%	5,512	15.3	3.0
KDH	-47.44	7.5%	1,281	28.5	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	857.30	11.1%	1,728	12.6	1.4
VNM	306.40	23.9%	3,937	20.2	4.5
TPB	123.99	18.6%	2,686	7.3	1.4
MWG	84.12	6.6%	1,069	51.5	3.5
HDB	51.13	20.3%	2,765	6.3	1.2

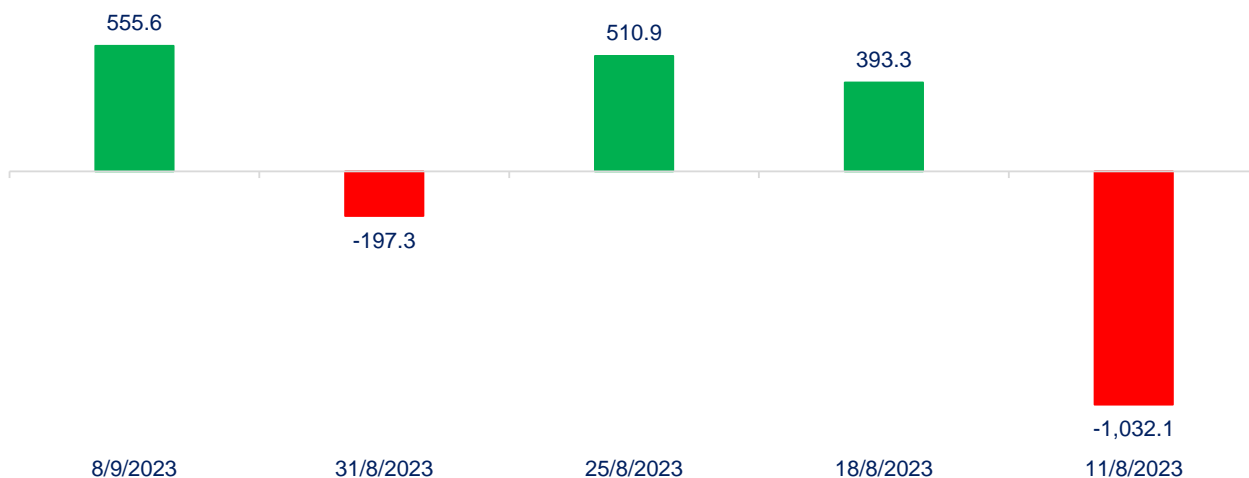
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-485.93	-2.0%	(328)	-	1.7
FUEVFVND	-415.15	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	-314.09	7.3%	1,093	30.8	2.3
VIC	-292.33	3.9%	1,395	43.6	1.7
STB	-172.79	17.2%	3,601	9.2	1.5

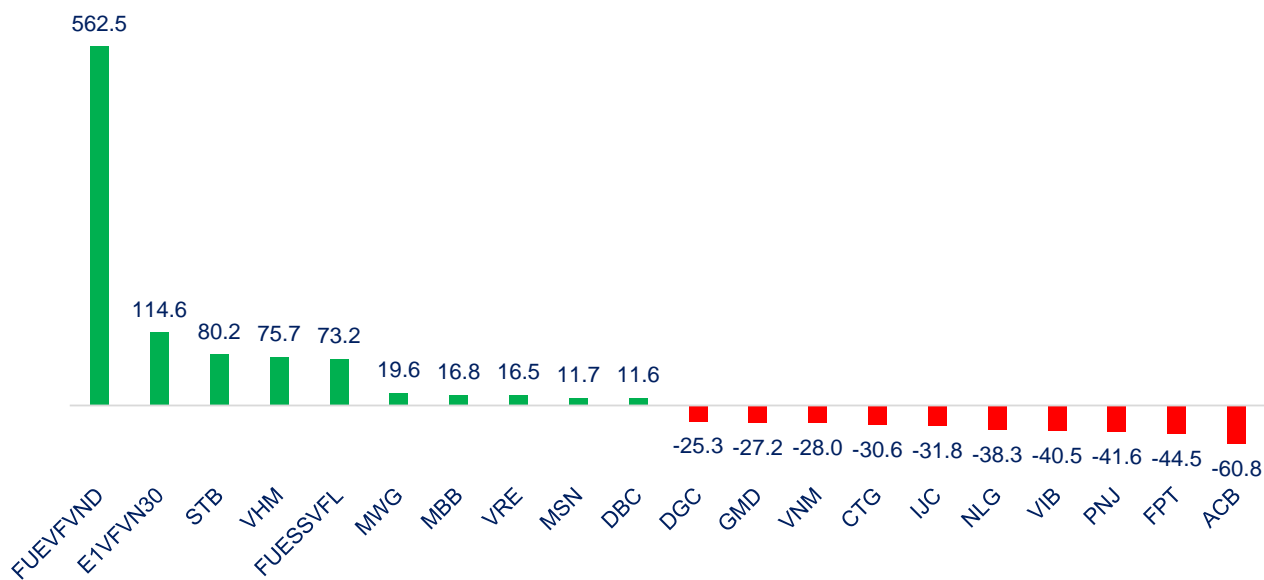




Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
28/7/2023	8/9/2023	7/8/2023	4/8/2023	MEY	Đại hội Đồng Cổ đông
26/7/2023	8/9/2023	8/8/2023	7/8/2023	VTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/7/2023	8/9/2023	9/8/2023	8/8/2023	APL	Đại hội Cổ đông Bất thường
3/8/2023	8/9/2023	14/8/2023	11/8/2023	SHE	Đại hội Cổ đông Bất thường
3/8/2023	8/9/2023	16/8/2023	15/8/2023	BSC	Đại hội Cổ đông Bất thường
28/7/2023	8/9/2023	18/8/2023	17/8/2023	BDW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/8/2023	8/9/2023	23/8/2023	22/8/2023	DRL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/8/2023	8/9/2023	21/8/2023	18/8/2023	DDV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/8/2023	8/9/2023	22/8/2023	21/8/2023	LHC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/7/2023	11/9/2023	14/8/2023	11/8/2023	DNE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/7/2023	11/9/2023	15/8/2023	14/8/2023	VRC	Đại hội Cổ đông Bất thường
28/7/2023	11/9/2023	10/8/2023	9/8/2023	TLT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/8/2023	11/9/2023	25/8/2023	24/8/2023	TVM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	11/9/2023	29/8/2023	28/8/2023	NQB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	11/9/2023	29/8/2023	28/8/2023	VFC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/8/2023	11/9/2023	30/8/2023	29/8/2023	DCM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/7/2023	12/9/2023	15/8/2023	14/8/2023	EMS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31/7/2023	12/9/2023	9/8/2023	8/8/2023	GE2	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/8/2023	12/9/2023	25/8/2023	24/8/2023	FPT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/8/2023	13/9/2023	14/8/2023	11/8/2023	TBR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/8/2023	13/9/2023	29/8/2023	28/8/2023	CSV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/8/2023	13/9/2023	21/8/2023	18/8/2023	FT1	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/8/2023	13/9/2023	22/8/2023	21/8/2023	DSV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/8/2023	13/9/2023	8/9/2023	8/9/2023	TVW	Tạm dừng Niêm yết
11/8/2023	14/9/2023	22/8/2023	21/8/2023	THU	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31/7/2023	15/9/2023	17/8/2023	16/8/2023	PLE	Đại hội Cổ đông Bất thường
28/7/2023	15/9/2023	14/8/2023	11/8/2023	SAS	Đại hội Cổ đông Bất thường
2/8/2023	15/9/2023	21/8/2023	18/8/2023	MVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/8/2023	15/9/2023	15/8/2023	14/8/2023	HWS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/8/2023	15/9/2023	11/8/2023	10/8/2023	PRT	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)